

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG  
Bản án số: 7/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/02/2026  
V/v: “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Cao Chúc  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Hồng Loan và bà Trịnh Thị Thuỷ  
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hoàng Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.  
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3/2026/QĐST – HNGĐ ngày 27/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Long Thị H – Sinh năm 1985

Trú tại: Thôn S, xã C, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bị đơn: Ông Long Văn N – Sinh năm 1988

Trú tại: Thôn C, xã C - Lâm Đồng “Vắng mặt lần hai”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 11 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Long Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Long Thị H với ông Long Văn N kết hôn với nhau từ năm 2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã C, tỉnh Lâm Đồng). Trong quá trình chung sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2024 đến nay mỗi người tự ai nấy sống và không quan tâm gì đến nhau. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Long Văn N để bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng bà Long Thị H với ông Long Văn N có với nhau 01 con chung là Long Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Hiện nay con đang ở với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi trưởng thành và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung: Không có gì nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không.

Ngoài ra bà Long Thị H không trình bày hay yêu cầu gì khác.

**2. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập ông Long Văn N tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N vắng mặt không có lý do.**

Theo biên bản xác minh ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng do địa phương cung cấp thì ông Long Văn N có nơi ở và hộ khẩu và đang thường trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Lâm Đồng tuy nhiên ông N cố tình vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, đồng thời không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Long Thị H.

- Về con chung: Giao con chung tên Long Quỳnh C, sinh ngày 08/12/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật .

- Về án phí: Buộc bà Long Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì đối với việc thụ lý, giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:**

#### **[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Nguyên đơn bà Long Thị H khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Long Văn N có nơi cư trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[1.2] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông Long Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Long Thị H về ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng:**

#### **[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn của bà Long Thị H:**

Bà Long Thị H và ông Long Văn N tự nguyện tìm hiểu, sau đó có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C (nay là UBND xã C) vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa bà H với ông N là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là biên bản xác minh ngày 26/11/2025 của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H tại địa phương thấy rằng: Bà Long Thị H và ông Long Văn N hiện nay đã ly thân với nhau từ năm 2024. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông N không ý kiến gì và cũng không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Như vậy, có đủ cơ sở để nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội Đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Long Thị H và ông Long Văn N là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

#### **[2.2] Về con chung:**

Căn cứ đơn khởi kiện của bà H và tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà H và ông N có 01 con là Long Quỳnh C, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Hiện nay cháu Long Quỳnh C còn nhỏ đang ở với mẹ, vì vậy cần tiếp tục giao cháu Long Quỳnh C cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Long Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2026.

Bà Long Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

**[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

**[4] Về án phí:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Long Thị H khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Long Thị H.

Cho bà Long Thị H được ly hôn với ông Long Văn N.

**2.** Về con chung: Giao cháu Long Quỳnh C, sinh ngày 08/12/2020 cho bà Long Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Long Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2026.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.*

**3.** Về án phí: Bà Long Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007730 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Long Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND khu vực 5-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 5-Lâm Đồng;
- Cơ quan tiến hành đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Cao Chức**



